

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149 /2023/HS-ST
Ngày: 08 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sỹ

2. Ông Nguyễn Cảnh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Văn Lê Hoài Khiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2023/TLST - HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 90/2023/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đoàn Xuân L, sinh năm 1991; tại Tp. Q, tỉnh B; Nơi cư trú: 351/5 Bạch Đ, P. T, Tp. Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đoàn Xuân T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1967; Vợ: Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1991; Con: 02 người, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 28/12/2022 cho đến nay. (Có mặt).

2. Họ và tên: Khổng Tuấn D, sinh năm 1996; tại Tp. Q, tỉnh B; Nơi cư trú: 237/28 Thanh N, P. Q, Tp. Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Khổng Văn N, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Minh Đ, sinh năm: 1972; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 13/02/2012 bị Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” và “*Cướp giết tài sản*”

Ngày 21/7/2023 bị Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn xử phạt 12 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. Quy Nhơn. (Có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Hữu L, sinh năm 1986; tại Tp. Q, tỉnh B; Nơi cư trú: Tổ 21, KP4, P. T, Tp. Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu L (chết) và bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1963; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: 01 tiền án, ngày 30/8/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa xóa án tích.

Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 22/7/2005 bị Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn xử phạt 06 tháng 11 ngày tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

- Ngày 15/02/2006 bị Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 29/01/2007 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 28/12/2022 cho đến nay. (Có mặt).

4. Họ và tên: **Huỳnh** Văn H, sinh năm 1998; tại Tp. Q, tỉnh B; Nơi cư trú: Tổ 2, KP1, P. T, Tp. Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Văn H, sinh năm 1971 và bà Võ Thị Ánh H, sinh năm 1972; Vợ: Lý Thị Diễm K, sinh năm 1996; Con: 02 người, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 28/12/2022 cho đến nay. (Có mặt).

- Bị hại:

Anh Dương Minh C, sinh năm 1997. Trú tại: Tổ 12, KP2, P. Q, Tp. Q, tỉnh B. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Tiến L, sinh năm 1999. Trú tại: 293/4/27 Lê Hồng P, Tp. Q, tỉnh B. (Vắng mặt)

Anh Khổng Thanh T, sinh năm 1997. Trú tại: Tổ 4, KP5, P. N, Tp. Q, tỉnh B. (Vắng mặt)

Anh Bùi Văn T, sinh năm 1992. Trú tại: Tổ 3, KP1, P. T, Tp. Q, tỉnh B. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 10/2022, thông qua Khổng Tuấn D, Dương Minh C (sinh năm: 1997, trú tổ 12, khu phố 2, phường Q, TP. Q) liên hệ với Đoàn Xuân L để mượn 10.900.000 đồng, hứa trong vòng một tuần sẽ trả tiền. Sau đó, C không trả tiền cho L theo thỏa thuận, L nhiều lần gọi điện cho C nhưng C không bắt máy nên L nhờ Khổng Tuấn D hẹn C đòi nợ.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/10/2022, Khổng Tuấn D liên lạc và hẹn C đến Công viên Long V thuộc phường T, Tp. Q. Lúc này, L rủ L điều khiển xe mô tô hiệu Airblade biển số 77N4-0652 chở L và gọi điện rủ **Huỳnh Văn H** điều khiển xe mô tô hiệu Vario (không rõ biển số) chở D cùng nhau đến điểm hẹn. Khi nhóm L đi đến Công viên Long V thì nhìn thấy C đang ngồi phía sau xe mô tô hiệu Wave biển số 77L1-986.48 do Khổng Thanh T (sinh năm: 1997, trú tổ 4, khu phố 5, phường N, TP. Q) điều khiển; Luận điều khiển xe mô tô hiệu AirBlade chạy lên, áp sát phía bên trái xe mô tô biển số 77L1-986.48 thì T tăng ga bỏ chạy. Lúc này, H điều khiển xe mô tô hiệu Vario chở D vượt lên bên phải ép xe mô tô của C, D liền nhảy xuống xe, kéo áo C làm C ngã xuống đường. T và C bỏ chạy, L, D, H đuổi theo C một đoạn thì C trượt té nên bị nhóm L bắt được. L thấy T bỏ chạy nên điều khiển xe mô tô đuổi theo nhưng không kịp nên quay lại. Lúc này, L dùng tay tát 01 cái vào mặt C nói: “Sao mày nợ tiền tao không trả?”, D dùng chân đá vào người C 03 cái. L nói: “Thôi không đánh nó nữa, ở đây đông người, có gì chở nó xuống kia nói chuyện!”. L nói: “Thôi không đánh nó nữa, chở nó đi!”. C không chịu đi thì bị L và D kéo, ép ngồi lên xe mô tô hiệu AirBlade do L điều khiển, Cg ngồi giữa còn L ngồi sau cùng. L điều khiển xe chạy đến khu vực Đèo S thuộc khu phố 5, phường Q, TP. Q để tiếp tục đánh C. D lấy xe mô tô biển số 77L1-986.48 của C đi theo, còn H bận công việc riêng nên điều khiển xe Vario về trước.

Tại Đèo Sn, L dùng dép tát 01 cái vào mặt C nói: “Cái xe đó mày thế ở đâu? Để tao đi chuộc về bán được bao nhiêu bán lấy lại tiền, chờ sao mày để nợ gì lâu vậy?”. C xin lỗi và hứa vài ngày nữa sẽ trả nợ cho L. Lúc này, L có hẹn với bạn để đi nhậu nên điều khiển xe AirBlade đi về trước. **Do C năn nỉ và D nói giúp nên** L đồng ý nên cho C về, sau đó L gọi điện cho Phạm Tiến L (sinh năm: 1999, trú tổ 17, khu phố 3, phường L, TP. Q) điều khiển xe hiệu Sirius (không rõ biển số) đến chở về. C bị đau tay, chân do té và bị đánh trước đó, không thể tự điều khiển xe nên nhờ D chở mình về nhà. D đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 77L1-986.48 chở C về nhà. Sau đó do không có xe nên D mượn xe mô tô của C để đi về. C đồng ý và lấy chìa khóa xe trong chùm khóa nhà đưa cho D sử dụng để về. Đến ngày 20/10/2022, anh C đến Công an phường T tố giác hành vi bắt, giữ người của nhóm Đoàn Xuân L.

Về phần dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra, Đoàn Xuân L đã bồi thường cho Dương Minh C số tiền 29.600.000 đồng; trước khi xét xử bị cáo L và bị cáo H mỗi bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng; anh C không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 xe mô tô biển số 77L1-986.48 hiệu Honda Wave do Khổng Tuấn D giao nộp vào ngày 21/10/2022, sau đó đã trả lại xe mô tô trên cho chủ sở hữu là anh Dương Minh C.

Bản Cáo trạng số: 98/CT - VKSQN ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Đoàn Xuân L, Khổng Tuấn D, Nguyễn Hữu L về tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội: “Bắt người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo L, D, L, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo L, D, L về tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo H về tội: “Bắt người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Đề nghị:

+ Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo: Đoàn Xuân L từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo: Khổng Tuấn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo: Nguyễn Hữu L từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51, Điều 58 **Bộ luật hình sự**; xử phạt bị cáo: **Huỳnh Văn H** từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

+ Về phần dân sự: Bị cáo L đã bồi thường cho C số tiền 29.600.000 đồng, bị cáo L bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Anh C không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo L, D, L, H thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa các bị cáo Đoàn Xuân L, Khổng Tuấn D, Nguyễn Hữu L, Huỳnh Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ việc anh Dương Minh C nợ tiền nhưng không trả nên bị cáo L đã nhờ bị cáo Khổng Tuấn D (người quen của anh C) hẹn anh C để đòi nợ. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/10/2022 bị cáo D liên liên lạc và hẹn anh C đến Công viên Long V thuộc phường T, Tp. Q và báo lại cho bị cáo L biết. Lúc này bị cáo L đã rủ bị cáo L điều khiển xe máy chở bị cáo và rủ H điều khiển xe máy chở D đến chỗ hẹn. Khi nhóm bị cáo L đến Công viên Long V thấy anh C ngồi phía sau xe máy do anh Khổng Thanh T điều khiển. Các bị cáo L, D, L, H đã có hành vi ép, chặn xe và đuổi bắt anh C tại khu vực vòng xoay Công viên Long V. Sau đó, các bị cáo L, L và D ép, bắt anh C lên xe để chở đến bãi đất trống thuộc khu vực Đèo S thuộc khu phố 5, phường Q, TP. Q và giữ C tại đây để giải quyết chuyện nợ nần. Còn H bận công việc nên về trước.

Các bị cáo có đầy đủ sức khỏe, năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết quyền tự do, dân chủ, bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều bị xử lý nghiêm, nhưng do xem thường pháp luật, quyền tự do dân chủ của người khác. Các bị cáo L, D, L đã có hành vi bắt, giữ anh Dương Minh C trái pháp luật; còn bị cáo H tham gia đuổi bắt anh C. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Đoàn Xuân L, Khổng Tuấn D, Nguyễn Hữu L về tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội: “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Trong vụ án các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nhất thời, không có chuẩn bị trước, không có sự phân công phân nhiệm rõ ràng nên phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến nhân thân, quyền tự do, bất khả xâm phạm về thân thể của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm, một số bị cáo cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và

phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét đầy đủ vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng, thể hiện tính nghiêm minh và khoan hồng của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy rằng:

4.1 Về nhân thân: Các bị cáo L, H có nhân thân tốt, từ trước đến nay không vi phạm gì, bị cáo D, L có nhân thân xấu.

4.2 Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo L, D, H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo L đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội mới nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

4.3 Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Đoàn Xuân L và bị cáo Huỳnh Văn H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Khổng Tuấn D và Nguyễn Hữu L đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo H và bị cáo L được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. **Ngoài ra, trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo**

Nhận thấy, các bị cáo L, H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì các bị cáo L, H cũng có khả năng tự cải tạo tốt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử bị cáo hình phạt tù có điều kiện cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội

[5] Về phần dân sự: Bị cáo Đoàn Xuân L đã bồi thường cho anh Dương Minh C số tiền 29.600.000 đồng; bị cáo L bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Anh C không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Tòa không xem xét giải quyết.

[6] Về vấn đề khác: Đối với hành vi của bị cáo Khổng Tuấn D khi lấy xe mô tô biển số 77L1-986.48 của anh Dương Minh C: Sau khi anh C bị bị cáo Đoàn Xuân L và bị cáo Nguyễn Hữu L bắt đi nơi khác, bị cáo D thấy xe mô tô của anh C để lại hiện trường nên lấy xe điều khiển chạy theo. Sau đó, anh C bị đau và nhờ

bị cáo D chở anh C về nhà nên bị cáo D đồng ý chở anh C về, rồi mượn xe mô tô biển số 77L1-986.48 để đi cho đến ngày 21/10/2022. Việc bị cáo D mượn xe mô tô của anh C thì anh C đồng ý cho mượn xe và tự nguyện đưa xe mô tô cho bị cáo D không liên quan gì đến số tiền anh C nợ bị cáo L nên hành vi trên của bị cáo D không phạm tội: “Cướp tài sản”.

[7] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo L, D, L, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, áp dụng cho bị cáo Đoàn Xuân L .

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự, áp dụng cho bị cáo Không Tuấn D.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự áp dụng cho bị cáo Nguyễn Hữu L.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, áp dụng cho bị cáo **Huỳnh Văn H**

Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Xuân L, Không Tuấn D, Nguyễn Hữu L phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Bị cáo Huỳnh Văn H phạm tội: “Bắt người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Đoàn Xuân L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 08/8/2023.

Giao bị cáo Đoàn Xuân L cho UBND phường T, Tp. Q, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2 Xử phạt bị cáo Khổng Tuấn D 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/3/2023.

2.3 Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.4 Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 08/8/2023.

Giao bị cáo Huỳnh Văn H cho UBND phường T, Tp. Q, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Buộc các bị cáo Đoàn Xuân L, Khổng Tuấn D, Nguyễn Hữu L, Huỳnh Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định